TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2024/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 19 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 107/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1989;

Đều ĐKHKTT tại: Khu Q, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 55, điều 81, điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn M H, sinh ngày 30/01/2015, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh M vì anh M tự nguyện không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn M thống nhất xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà số 0004820 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Phú Thọ. Chị L được hoàn trả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THADS huyện C;
- VKSND huyện C;
- UBND thị trấn C;
- Lưu: HS,VP

THẨM PHÁN

Trần Việt D